

BÀI 21: THỰC HÀNH QUAN SÁT SINH VẬT

1. Chuẩn bị

- Dụng cụ: Kính hiển vi, lam kính, lamén, pipette, giấy thấm, bông, giấy bìa, kim chỉ, keo dán, lọ thủy tinh.
- Mẫu vật:
 - ❖ Mẫu nước ao hồ, mẫu nuôi cấy, mẫu thực vật có đầy đủ rễ, thân, lá.
 - ❖ Bộ ảnh thực vật.
 - ❖ Mô hình tháo lắp cơ thể người hoặc tranh ảnh về cấu tạo cơ thể người.

2. Cách tiến hành

a/ Quan sát cơ thể đơn bào

- Đặt vài sợi bông lên lam kính.
- Dùng pipette hút nước trong lọ chứa mẫu vật và nhỏ 1 giọt lên lam kính đã có sẵn sợi bông.
- Đặt lamén lên lam kính có chứa mẫu vật, dùng giấy thấm nước thừa.
- Quan sát tiêu bản dưới kính hiển vi với vật kính 10x, 40x và vẽ cơ thể đơn bào quan sát được.

b/ Quan sát các cơ quan cấu tạo cây xanh

- Quan sát mẫu vật thật.
- Xác định các cơ quan, hệ cơ quan cấu tạo cây xanh ở mẫu vật (bộ ảnh).

c/ Quan sát mô hình hoặc tranh ảnh cấu tạo cơ thể người

- Quan sát mô hình, tranh ảnh cấu tạo cơ thể người.
- Xác định vị trí các cơ quan, hệ cơ quan quan sát được.

BÀI 22: PHÂN LOẠI THỂ GIỚI SỐNG

1. Sự cần thiết của việc phân loại thể giới sống

- ✚ Phân loại thể giới sống là cách sắp xếp sinh vật vào một hệ thống theo trật tự nhất định dựa vào:

- Đặc điểm tế bào.
- Mức độ tổ chức cơ thể.
- Môi trường sống.
- Kiểu dinh dưỡng.

- ✚ Nhiệm vụ của phân loại là phát hiện, mô tả, đặt tên và sắp xếp sinh vật vào hệ thống phân loại.

- ✚ Tác dụng của phân loại thể giới sống:

- Giúp gọi đúng tên sinh vật.
- Đưa sinh vật vào đúng nhóm phân loại.
- Nhận ra sự đa dạng của sinh giới.

2. Các bậc phân loại sinh vật

- Các bậc phân loại từ nhỏ đến lớn: Loài → chi/giống → họ → bộ → lớp → ngành → giới.
- Loài là bậc phân loại cơ bản, bậc phân loại càng nhỏ thì sự khác nhau giữa các sinh vật cùng bậc càng ít.
- Cách gọi tên sinh vật:
 - Tên phổ thông: Có trong danh mục tra cứu.
 - Tên khoa học: Theo tên chi/giống và tên loài.
 - Tên địa phương: Gọi truyền thống theo vùng miền, quốc gia.

3. Các giới sinh vật

Đặc điểm	Cấu tạo	Kiểu dinh dưỡng	Môi trường sống	Đại diện
Giới Khởi sinh	Tế bào nhân sơ	Tự dưỡng, dị dưỡng	Đa dạng	Vi khuẩn E.coli
Giới Nguyên sinh	- Tế bào nhân thực - Phần lớn cơ thể đơn bào	Tự dưỡng, dị dưỡng	Trong nước, trên cơ thể sinh vật	Trùng roi, tảo lục
Giới Nấm	- Tế bào nhân thực - Cơ thể đơn bào, đa bào	Dị dưỡng	Đa dạng	Nấm mốc, nấm men
Giới Thực vật	- Tế bào nhân thực - Cơ thể đa bào	Tự dưỡng	Đa dạng, không có khả năng di chuyển	Rêu tường, thông, lúa, dương xỉ
Giới Động vật	- Tế bào nhân thực - Cơ thể đa bào.	Dị dưỡng	Đa dạng, có khả năng di chuyển	San hô, giun đất, ếch, gà

4. Khóa lưỡng phân

- Khóa lưỡng phân là cách phân loại sinh vật dựa trên một đôi đặc điểm đối lập để phân chia chúng thành hai nhóm.
- Cách xây dựng khóa lưỡng phân: Xác định đặc điểm đặc trưng đối lập của mỗi sinh vật, dựa vào đó phân chia chúng thành hai nhóm cho đến khi mỗi nhóm chỉ còn lại một sinh vật.

DẶN DÒ: Học bài

- Làm bài tập 12,3/106